SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG TRỊ
BVĐK KV TRIỆU PHONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 684 /QĐ-BVĐK

Triệu Phong, ngày 26 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Thiết bị y tế bổ sung lần 2 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Phong.

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TRIỆU PHONG

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội; đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 09 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 và Nghị định số 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1806/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Phong thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-BVĐK ngày 22/10/2026 về việc phê duyệt dự toán mua sắm Thiết bị y tế bổ sung lần 2 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Phong;

Theo đề nghị của Trưởng khoa Dược - TTB - VTYT tại Tờ trình số 36/TTr-KD ngày 21/10/2026 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua

sắm: Thiết bị y tế bổ sung lần 2 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Phong.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Thiết bị y tế bổ sung lần 2 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Phong với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Trưởng Khoa Dược - TTB - VTYT, Phòng Tài chính - Kế toán, các Khoa/Phòng/Bộ phận/Tổ có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- BGĐ;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG TRỊ
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TRIỆU PHONG

Hoàng Thanh Hải

PHỤ LỤC I

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU DỰ TOÁN MUA SẮM
THIẾT BỊ Y TẾ BỔ SUNG LẦN 2 NĂM 2026 CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC TRIỆU PHONG
(Kèm theo Quyết định số 684/QĐ-BVĐK ngày 26 tháng 10 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Phong)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Phong	Thiết bị y tế bổ sung lần 2 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Phong	Mua sắm thiết bị y tế bổ sung lần 2 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Phong	**418.087.800**	Nguồn quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu dịch vụ và các nguồn thu hợp pháp khác của Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Phong.	Chào giá trực tuyến rút gọn, qua mạng		30 ngày	Quý IV, năm 2026	Trọn gói	3 tháng, kể từ ngày hợp đồng mua bán được ký kết có hiệu lực	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu				**418.087.800**								

(Bằng chữ: Bốn trăm mười tám triệu không trăm tám mươi bảy ngàn tám trăm đồng.)

PHỤ LỤC II

DANH MỤC

(Kèm theo Quyết định số 681/QĐ-BVĐK ngày 26/10/2026 của Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Phong)

STT	Tên vật tư, hóa chất, sinh phẩm y tế	Đơn vị tính	Đặc tính thông số kỹ thuật	Nước sản xuất / Hãng sản xuất	Số lượng	Đơn giá (VND)	Giá dự toán (VND)
1	Bơm tiêm nhựa 10ml các cỡ số	Cái	Kim 23G;25G	Việt Nam	9.600	1.280	12.288.000
2	Kim châm cứu vô trùng	Cái	Kim được đóng gói vô trùng, dùng một lần. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO		200.000	365	73.000.000
3	Test nước tiểu 11 thông số	Test	Đo các chỉ số: Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose, Ascorbic Acid (LEU/NIT/URO/PRO/pH/BLO/SG/KET/BIL/GLU/ ASC). - Tương thích với máy xét nghiệm nước tiểu Mission đang sử dụng tại đơn vị.		2.000	5.500	11.000.000
4	Creatinin + standard	ml	Thành Phần: R1: Sodium Hydroxide 240 mmol/l R2: Picric Acid 26 mmol/l Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Erba	8.000	3.338	26.704.000
5	Test nhanh định tính CRP	Test	Xét nghiệm định lượng Protein phản ứng C trong máu. Hộp 100 test		5.000	5.649	28.245.000
6	Cholesterol HDL Direct	ml	Hóa chất xét nghiệm định lượng HDL Cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người. Phương pháp: Đo quang enzymatic trực tiếp với PVS, PEGME. Dải đo: 1.90 – 193 mg/dl. Thành phần: R1: MES buffer (pH 6.5) 6.5 mmol/l, TODB N, N-Bis(4-sulfobutyl)-3-methylaniline) 3 mmol/l, Polyvinyl sulfonic acid 50 mg/l, Polyethylene-glycol-methyl ester 30 ml/l, MgCl2 2 mmol/l; R2: MES buffer (pH 6.5) 50 mmol/l, Cholesterol esterase 5 kU/l, Cholesterol oxidase 20 kU/l, Peroxidase 5 kU/l, 4-aminoantipyrine 0.9 g/l, Detergent 0.5 %.	Erba	3.200	31.500	100.800.000
7	Glucose + standard	ml	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người. Phương pháp: "GOD-POD": Đo quang enzymatic. Dải đo: 2.34 – 450 mg/dl. Thành phần: R1: Phosphate buffer 250 mmol/l, Glucose oxidase > 25 U/ml, Peroxidase > 2 U/ml, Phenol 5 mmol/l, 4-aminoantipyrine 0.5 mmol/l.	Erba	8.800	3.580	31.504.000
8	Dung dịch rửa máy sinh hóa	ml	Dung dịch rửa cho máy sinh hóa tự động Thành phần: Sodium hydroxide	Erba	8.000	3.600	28.800.000
9	QC máy sinh hoá (3 mức)	ml	Huyết thanh chứng nội đùng để theo dõi độ đúng và độ chính xác của các xét nghiệm sinh hóa mức bình thường.	Erba	120	81.290	9.754.800
10	Urea UV	ml	R1: Tris Buffer 100 mmol/l α-Ketoglutarate 5.49 mmol/l Urease (Jack Bean) ≥ 10 KU/l GLDH (Microorganism) ≥ 3.8 KU/l R2: NADH 1.66 mmol/l. - Phạm vi đo: 11.5-300 mg/dl.	Erba	5.500	5.200	28.600.000
11	Đầu côn vàng có khía	Cái	Đầu côn vàng có khía 200µl		5.000	84	420.000
12	Đầu côn xanh có khía	Cái	Đầu col xanh có khía, 1000uL		10.000	120	1.200.000

13	Găng tay y tế không vô trùng	Đôi	Găng tay có bột, không vô trùng, sử dụng 1 lần trong thăm khám, chăm sóc người bệnh, các cỡ - Chất liệu: latex cao su thiên nhiên, có bột nhẹ.Kích cỡ: XS, S, M, L Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016		20.000	1.700	34.000.000
14	Ống nghiệm NaF	Cái	Làm từ nhựa PP. nắp nhựa màu xám. Bên trong chứa chất kháng đông Sodium Floride (NaF) và EDTA K2, có vạch chỉ thể tích trên nhãn ống. Dung tích lấy mẫu 2ml Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016		5.000	1.600	8.000.000
15	Nước OXY già	Lọ	3% (Lọ 20ml)		200	4.500	900.000
16	Thẻ xét nghiệm định lượng Procalcitonin (PCT)	Test	Định lượng nồng độ Procalcitonin trong mẫu máu. Thời gian đọc kết quả 15 phút. Mẫu: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần. Bảo quản: từ 2-30C Hạn dùng 18 tháng kể từ ngày sản xuất. Là test thử theo máy Standard F200.	SD Biosensor. InC- Hàn Quốc	100	199.500	19.950.000
18	Nẹp gối H3	Cái	Sản phẩm gồm 4 thanh nẹp hợp kim nhôm định hình, hai thanh có thể điều chỉnh di động, vật liệu vải tự dính, tấm đệm mút PU, vải cotton và hệ thống băng nhám dính velcro đan xen có tác dụng bó chặt sản phẩm giúp cố định vùng quanh khớp gối, đùi, cẳng chân, dễ sử dụng, dễ điều chỉnh.	ORBE- Việt Nam	10	285.200	2.852.000
19	Kim đẩy chỉ vô trùng	Cái	Kim đẩy chỉ 0.3 x 33mm (dùng cho kim 23G) vô trùng dùng một lần.		100	700	70.000
			Tổng cộng 19 khoản				**418.087.800**

(Bằng chữ: Bốn trăm mười tám triệu không trăm tám mươi bảy ngàn tám trăm đồng)